

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG AUSTRALIA

1. Về xác định mục tiêu giáo dục

Theo tài liệu The Shape of Australian Curriculum (Version 4.0 - 2012), Tuyên bố Melbourne 2008 cam kết "hỗ trợ tất cả thanh thiếu niên Australia để trở thành học sinh thành công, cá nhân tự tin và sáng tạo, công dân toàn cầu hiểu biết và tích cực" để thúc đẩy công bằng và sự thành công trong giáo dục.

Mục tiêu giáo dục theo Chương trình Australia (Goals of education) được xác trên cơ sở học sinh đạt được thành công khi phát triển các năng lực để phát huy vai trò tích cực trong việc học của mình, có những kỹ năng cần thiết trong đọc hiểu và tính toán, sử dụng sáng tạo và hiệu quả công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, làm nền tảng cho sự thành công trong mọi lĩnh vực học tập. Mục tiêu đặt ra cho giáo dục theo chương trình Goals of education đối với học sinh phải có khả năng suy nghĩ sâu sắc và hợp lý, có được những bằng chứng đánh giá một cách có ý thức trong việc tìm hiểu các môn học cơ bản và khả năng sáng tạo, năng động và có khả năng giải quyết vấn đề, vận dụng những kiến thức đã học từ các lĩnh vực học tập, tự xây dựng kế hoạch hoạt động một cách độc lập, hợp tác, làm việc theo nhóm và truyền đạt ý tưởng, tự xây dựng hình ảnh của thế giới và suy nghĩ theo cách riêng của cá nhân cũng là một trong những mục tiêu được chú trọng. Bên cạnh đó, học sinh luôn hướng tới những thành công trong giáo dục, đào tạo, việc làm, có được những kỹ năng để đưa ra quyết định trong học tập và việc làm trong suốt cuộc đời của họ và được thúc đẩy để đạt được tiềm năng đầy đủ của họ.

Khi xác định học sinh trở thành một cá nhân tự tin và sáng tạo trong chương trình giáo dục Goals of education cũng là một trong những tiêu chí cần đạt được thông qua cảm giác tự tin, tự nhận thức và thể hiện bản sắc cá nhân cho phép họ quản lý được cảm xúc, tinh thần, tâm linh và thể chất; sự lạc quan về cuộc sống của bản thân, có những sáng tạo và sử dụng khả năng sáng tạo của học sinh trong tương lai. Việc chú trọng đến các tiêu chí như phát triển các giá trị cá nhân và các phẩm chất như sự trung thực, khả năng phục hồi, sự đồng cảm và tôn trọng người khác; có kiến thức, kỹ năng, hiểu biết và giá trị để thiết lập và duy trì sức khỏe, cuộc sống; có sự tự tin và khả năng để theo đuổi việc học lên đại học hoặc trình độ sau trung học nghề dẫn đến việc làm bổ ích và hiệu quả;

quan hệ tốt với những người khác và hình thành và duy trì các mối quan hệ lành mạnh; được chuẩn bị tốt cho vai trò tiềm năng cuộc sống của họ trong gia đình, cộng đồng và xã hội được chương trình giáo dục Goals of education của Australia đánh giá cao.

Một mục tiêu quan trọng trong chương trình giáo dục Goals of education của Australia đặc ra là học sinh cần phải trở thành những công dân có hiểu biết và tích cực thông qua năng lực và thiên hướng hành động theo lương tâm, đạo đức liêm chính; có những hiểu biết về hệ thống nhà nước, chính quyền Australia và cuộc sống công dân, hiểu rõ tính đa dạng của văn hoá và lịch sử bao gồm vị trí đặc biệt của văn hoá thổ dân và cư dân vùng hải đảo; có khả năng liên kết cộng đồng thông qua văn hoá, đặc biệt trong mối quan hệ với văn hoá các nước châu Á - Thái Bình Dương; có khát vọng và khả năng làm việc vì cộng đồng kể cả việc quản lí môi trường tự nhiên; có trách nhiệm của một công dân toàn cầu cũng như công dân bản địa.

Tất cả các mục tiêu giáo dục được biểu đạt dưới dạng những kì vọng mà nền giáo dục Australia mong muốn người học đạt được, bao quát những phẩm chất và năng lực cần thiết tạo nên một hình mẫu của một thể hệ trẻ có đủ điều kiện để khẳng định bản thân trong một thế giới luôn biến đổi.

Từ mục tiêu giáo dục chung như trên, trong từng môn học có quy định rõ mục tiêu (Aims).

Chẳng hạn, mục tiêu môn học tiếng Anh (từ lớp Tiền tiểu học (F) đến lớp 10) được xác định học sinh phải đảm bảo các yêu cầu như học cách lắng nghe, đọc, xem, nói, viết, sáng tạo và phản ánh thể hiện kĩ năng nói, viết và tiếp nhận văn bản đa phương thức trên một phạm vi ngày càng tăng của các bối cảnh với độ chính xác, trôi chảy và có tính mục đích cao; có khả năng đánh giá cao, thưởng thức và sử dụng tiếng Anh trong tất cả các biến thể của nó và phát triển một cảm giác phong phú và sức mạnh của nó để gọi lên cảm xúc, truyền đạt thông tin, hình thành ý tưởng, tạo điều kiện tương tác với những người khác, giải trí, thuyết phục và tranh luận; Hiểu tiếng Anh chuẩn của Australia trong các hình thức nói và viết của mình và kết hợp với các hình thức phi ngôn ngữ của truyền thông để tạo ra ý nghĩa và cuối cùng là phát triển sự quan tâm và kỹ năng tìm hiểu các khía cạnh thẩm mĩ của văn bản và phát triển khả năng đánh giá cao các thông tin của tác phẩm văn học.

• Mục tiêu môn Tiếng Anh lớp 11 và 12 được xác định học sinh phải đạt được kỹ năng nghe, nói, đọc, xem và viết; khả năng tạo ra các văn bản cho một loạt các mục đích, đối tượng và bối cảnh; hiểu biết và đánh giá cao mục đích sử dụng khác nhau của ngôn ngữ. Ngoài ra, tiếng Anh nhằm mục đích phát triển ở sự hiểu biết về việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp; khả năng đánh giá cao và tạo ra các văn bản diễn giải, thuyết phục và tưởng tượng bền vững trong một loạt các bối cảnh; tham gia trong phân tích và phản ánh có tính phê phán.

Nếu mục tiêu giáo dục chung được biểu đạt mang tính khái quát thì mục tiêu của mỗi môn học xác định rất cụ thể các kỹ năng thiết yếu mà người học cần đạt được theo đặc thù của môn học.

2. Về xác định Chuẩn

Trong Chương trình GDPT của Australia, chuẩn (Achievement Standards) được xác định cho từng môn học, năm học.

Tài liệu Curriculum Design Paper đã giới thiệu về chuẩn thành tích của học sinh theo từng năm học/lớp (từ lớp F đến lớp 10) với các yêu cầu cụ thể như sau:

- Chuẩn thành tích mô tả những gì học sinh có thể hiểu được và có thể làm được. Chuẩn mô tả thành tích được mong đợi ở người học.

- Trong chương trình lớp F-10 tập hợp các chuẩn thành tích, mô tả một chuỗi rộng những kết quả học tập được dự kiến. Kết quả này cung cấp cho giáo viên một khuôn khổ của sự tăng trưởng và phát triển trong từng lĩnh vực học tập.

- Các chuẩn thành tích nhấn mạnh chiều sâu của sự hiểu biết về khái niệm và sự tinh tế của kỹ năng.

- Các chuẩn thành tích sẽ được đi kèm với danh mục các chú thích mẫu làm của học sinh, như tài liệu hỗ trợ để minh họa các chuẩn thành tích đó.

Chẳng hạn, chuẩn thành tích môn Tiếng Anh (lớp 1) được xác định như sau:

• Về kỹ năng tiếp nhận văn bản như nghe, đọc và xem đối với học sinh lớp 1 cần đáp ứng được kỹ năng hiểu được mục đích khác nhau của văn bản, kết nối với kinh nghiệm cá nhân khi giải thích các nhân vật và các sự kiện chính trong các đoạn văn ngắn, xác định được các tính năng ngôn ngữ, hình ảnh vụng dưng để mô tả các nhân vật và các sự kiện. Học sinh đọc to, phát biểu trôi chảy và có ngữ điệu các đoạn văn ngắn với một số từ vựng không quen thuộc, những câu đơn giản và hợp chất và hình ảnh hỗ trợ. Khi đọc, học sinh sử dụng kiến thức về âm thanh và chữ cái, từ tần số cao, ranh giới câu chắm câu và hướng từ để làm

cho ý nghĩa. Học sinh nhớ lại những ý tưởng quan trọng và công nhận nghĩa đen và ngụ ý trong văn bản, lắng nghe người khác khi tham gia vào cuộc hội thoại, sử dụng tính năng ngôn ngữ thích hợp. Học sinh lắng nghe và tái tạo mô hình thư và cụm thư.

• Về kỹ năng tạo lập văn bản như nói, viết và tạo ra đối với học sinh lớp 1 cần đáp ứng được kỹ năng hiểu làm thế nào các nhân vật trong các văn bản được thể hiện và đưa ra lí do cho sở thích cá nhân. Học sinh tạo ra văn bản cho thấy sự hiểu biết về mối liên hệ giữa văn bản, lời nói và hình ảnh. Học sinh tạo ra các đoạn văn ngắn cho một phạm vi nhỏ của mục đích, tương tác trong cặp, nhóm và thảo luận lớp, thay phiên nhau khi trả lời. Học sinh có thể tạo lập được bài thuyết trình ngắn của một vài câu kết nối về các chủ đề quen thuộc. Khi viết, Học sinh cung cấp chi tiết về những ý tưởng hoặc các sự kiện, đánh vần chính xác từ với mô hình chính tả thường xuyên và sử dụng chữ in hoa và chấm. Học sinh viết một cách chính xác tất cả các chữ hoa và chữ thường.

Ở lớp 11 và 12, chuẩn thành tích môn Tiếng Anh được xác định theo 5 cấp độ, theo từng cặp đơn vị học tập (unit 1 và 2; unit 3 và 4) với các mức độ từ thấp đến cao.

Ví dụ: Chuẩn thành tích đối với Unit 1 và 2 môn Tiếng Anh.

Đáp ứng với các văn bản nói, viết và đa phương thức:

Bảng tổng hợp theo ví dụ về chuẩn môn Tiếng Anh lớp 11, 12

A	B	C	D	E
Đánh giá mối quan hệ giữa bối cảnh, mục đích, đối tượng và cách thức thực hiện có hiệu quả để xác định ý nghĩa và hiệu ứng đặc biệt của văn bản	Phân tích mối quan hệ giữa bối cảnh, mục đích, đối tượng và cách thức xác định ý nghĩa của văn bản	Giải thích các bối cảnh, mục đích và ý nghĩa văn bản, đối tượng hướng đến của văn bản	Mô tả bối cảnh, mục đích và đối tượng hướng tới của một số văn bản	Xác định một số khía cạnh của bối cảnh, mục đích và đối tượng của một số văn bản
Đánh giá các tính năng ngôn ngữ, quy ước và các	Phân tích các tính năng ngôn ngữ, quy ước và các	Giải thích tính năng ngôn ngữ, quy ước và các cách	Mô tả được một số tính năng ngôn ngữ và các quy	Xác định một số tính năng ngôn ngữ được sử dụng

cách biểu đạt được sử dụng trong phong cách ngôn ngữ và phương tiện khác nhau có ảnh hưởng đến người đọc	cách biểu đạt được sử dụng trong phong cách ngôn ngữ và phương tiện khác nhau có ảnh hưởng đến người đọc	biểu đạt được sử dụng trong phong cách ngôn ngữ và phương tiện khác nhau	ước được sử dụng trong các phương thức và phương tiện biểu đạt khác nhau	trong các phương thức và phương tiện biểu đạt khác nhau
Đánh giá những ý tưởng, thái độ và cách thể hiện trong các văn bản và ảnh hưởng của các văn bản	Phân tích ý tưởng, thái độ và cách thể hiện trong các văn bản	Giải thích tính năng ngôn ngữ và các phương tiện được sử dụng trong các phong cách ngôn ngữ khác nhau	Mô tả một số ý tưởng, thái độ và cách thể hiện trong văn bản	Xác định một số ý tưởng trong các văn bản
Phê bình phân tích điểm giống và khác nhau giữa các loại văn bản, thể hiện cái nhìn sâu sắc trong việc thể hiện ý tưởng và hiệu quả biểu đạt	Phân tích giống và khác nhau giữa các loại văn bản, thể hiện sự hiểu biết về ý tưởng và hiệu quả biểu đạt	Giải thích tương đồng và khác biệt giữa các loại khác nhau của văn bản	Mô tả một số điểm tương đồng và khác biệt giữa các loại khác nhau của văn bản	Xác định một số kết nối giữa văn bản

Như vậy, trong việc xác định chuẩn của môn học tiếng Anh, cũng như các môn học khác, Chương trình Australia đã nêu ra những yêu cầu cụ thể về kỹ năng mà người học cần đạt được, đây chính là những bằng chứng để xác định thành tích của học sinh qua mỗi năm học. Chuẩn tiếng Anh lớp 11, 12 (trung học phổ thông) chi tiết hoá các yêu cầu về kỹ năng theo các mức độ từ thấp đến cao, tương ứng với mỗi chủ đề/đơn vị nội dung học tập.

Trong các môn học, môn Science là môn học tích hợp, nội dung gồm các mạch kiến thức, kỹ năng của vật lý, hoá học, sinh học, khoa học Trái Đất... Do tính tích hợp của môn học rất cao nên chuẩn cho từng năm học không biểu đạt riêng cho từng mạch mà khái quát những kiến thức, kỹ năng chung mà học sinh cần đạt theo đặc thù của môn Khoa học thực nghiệm.

3. Về các lĩnh vực giáo dục/môn học

Chương trình quốc gia của Australia bao gồm ba 3 mạch chính (3 đường xoắn): các lĩnh vực học tập/môn học, các năng lực chung và những ưu tiên xuyên chương trình giảng dạy (Thổ dân và đảo Torres Strait lịch sử và văn hoá; châu Á và Australia cam kết với châu Á; Tính bền vững).

Chương trình giảng dạy của Australia có tám lĩnh vực học tập. Một số lĩnh vực học tập bao gồm nhiều hơn một môn học. Hiện nay một số môn học đã được xây dựng và triển khai chính thức trong nhà trường, một số môn học vẫn đang trong quá trình xây dựng.

Chương trình giảng dạy của Australia xác định 07 năng lực chung và ba hướng ưu tiên xuyên chương trình giảng dạy và có thể được phát triển thông qua từng lĩnh vực học tập. Mỗi lĩnh vực học tập/môn học vẫn được xây dựng dựa trên các mạch nội dung của môn học, mô tả những kiến thức và kỹ năng cụ thể, bên cạnh đó nhấn mạnh hơn đến việc đưa các năng lực chung vào để phù hợp với đặc trưng của từng môn học.

Thời lượng cho các lĩnh vực/môn học được phân bổ như sau:

Bảng thống kê tỷ lệ thời lượng các lĩnh vực/môn học trong Chương trình Australia

Lĩnh vực	Môn học	Lớp F(*)	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10
Tiếng Anh		27%	27%	27%	22%	22%	20%	20%	12%	12%	12%	12%
Toán		18%	18%	18%	18%	18%	16%	16%	12%	12%	12%	12%
Khoa học		4%	4%	4%	7%	7%	7%	7%	10%	10%	12%	12%
KHXH và nhân văn	Lịch sử	2%	2%	2%	4%	4%	4%	4%	5%	5%	5%	5%
	Địa lí	2%	2%	2%	4%	4%	4%	4%	5%	5%	5%	5%
	Kinh tế và kinh						2%	2%	2%	2%	5%	5%

	doanh												
	Công dân				2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%
											(*)	(*)	
Nghệ thuật		4%	4%	4%	5%	5%	5%	5%	8%	8%	8%	8%	8%
Thế chất		8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%	8%
Ngoại ngữ	Tương đương 5% mỗi năm									8%	8%	8%	
											(*)	(*)	
Công nghệ	CN thiết kế	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	4%	4%	
	CN KTS	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	4%	4%	
											(*)	(*)	
Tỉ lệ % tổng thời gian phân bổ		72%	72%	72%	79%	79%	79%	79%	80%	80%	49%	49%	
Tỉ lệ % tổng thời gian không phân bổ		28%	28%	28%	28%	21%	21%	21%	20%	20%	51%	51%	

Ghi chú: (*): F là tiền lớp 1

a) Tỉ lệ ước tính rằng tổng cộng 1000 giờ giảng dạy mỗi năm (25 giờ mỗi tuần, 40 tuần/năm).

b) 1 % tương đương với khoảng 10 giờ mỗi năm.

c) (*) Giả định rằng các chương trình giảng dạy có thể được dạy như một môn tự chọn.

Chương trình GDPT bao gồm: Chương trình quốc gia/vùng lãnh thổ và chương trình phát triển nhà trường.

Chương trình giảng dạy của Australia cho từng lĩnh vực hoặc môn học mô tả nội dung cốt lõi cần được dạy cho HS trong lĩnh vực/môn học đó. Đối với mỗi năm học, từ mầm non đến lớp 10, chương trình giảng dạy của Australia được viết với thời lượng dưới 80% của tổng thời gian giảng dạy có sẵn trong các trường học. Tỉ lệ này cao nhất ở Lớp 7 và 8 và giảm đáng kể ở lớp 9 và 10 khi

những nội dung cốt lõi giảm đi, nhằm tăng cường các hoạt động cho từng nhà trường. Thời lượng còn lại (không phân bổ) dành cho nhà trường trong việc chủ động tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

Nội dung chương trình giảng dạy của Australia cho mỗi lĩnh vực học tập được dạy trong khung thời gian phân bổ do ACARA đặt ra cho người viết chương trình, để tránh tình trạng quá tải và cho phép bao quát các nội dung khác. Cách tiếp cận này không được thiết kế để phân bổ thời gian cho hệ thống giáo dục và các ngành, trường học, GV. Thay vào đó, nó là một thiết kế giả định hướng trọng tâm đến các lĩnh vực và được dự định để hướng dẫn những người viết về thời lượng dạy và học được giả định khi thiết kế chương trình.

Hiện nay, Australia chưa triển khai một Chương trình quốc gia thống cho tất cả các bang, các trường. Trong lịch sử mỗi bang có trách nhiệm xây dựng chương trình cho các trường công của mình. Từ 1986 có sự hợp tác trên phạm vi quốc gia về chương trình và hiện nay người ta đang xây dựng khung Chương trình quốc gia để thực hiện từ năm 2011.

Hệ thống giáo dục đầy đủ gồm 13 năm học (ở hầu hết các Bang) - từ lớp 0 đến lớp 12 và chia thành 4 giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất - trước giáo dục bắt buộc, trẻ từ 0 - 5 tuổi có nội dung cơ bản tìm hiểu về cá nhân và xã hội, sức khỏe và thể chất, ngôn ngữ và giao tiếp, hiểu biết ban đầu về toán, quá trình học tập tích cực.

Giai đoạn thứ hai là giáo dục Tiểu học từ lớp 1 - lớp 6/7 được thiết kế với 8 môn học chính như nghệ thuật, tiếng Anh, giáo dục thể chất và sức khỏe, ngoại ngữ, toán học, khoa học, tìm hiểu xã hội và môi trường, công nghệ. Ngoài ra có thêm 6 chủ đề liên môn: môi trường, CNTT, các kỹ năng cá nhân và liên nhân cách (quan hệ xã hội), giáo dục lao động và nghề, số học. Đây là chương trình được hầu hết các bang và các vùng lãnh thổ áp dụng. Tuy nhiên, tất cả các môn học này không bắt buộc cho tất cả các trường của nước Australia nhưng tất cả các bang đã nhất trí xem 8 mạch nội dung học cơ bản như là cơ sở để phát triển chương trình. Điều đó sẽ dẫn đến có sự khác nhau rất lớn trong cả nước về thực hiện chương trình vì các trường được tự do quyết định cấu trúc và kế hoạch dạy học của môn (trong khuôn khổ hướng dẫn của bang). Ví dụ: ở một số trường các môn có thể được dạy như môn tự chọn hoặc được dạy trong các lớp có học sinh ở các trình độ khác nhau cùng học

Với những nội dung phức tạp và được phân hoá như giáo dục thể chất và sức khoẻ, tìm hiểu xã hội và môi trường (gắn với lịch sử và địa lí) sẽ có những cách rất khác nhau giữa các bang. Chẳng hạn: tìm hiểu xã hội và môi trường có nơi đưa vào lịch sử và địa lí trong khi nơi khác dạy học tích hợp với giáo dục xã hội.

Ở Tiểu học, nội dung khoa học và công nghệ thường được tích hợp thành một chương trình. Thực tế, tích hợp các môn theo chủ đề được sử dụng rộng rãi trong các trường tiểu học.

Các môn tự chọn:

- Hầu hết học sinh có ít môn tự chọn cho đến cuối giai đoạn giáo dục bắt buộc, việc quy định danh sách các môn tự chọn cũng rất khác nhau giữa các bang. Môn Nhạc cụ thường là môn tự chọn và cha mẹ phải nộp thêm học phí.

- Ngoại ngữ nhìn chung được tập trung dạy ở Trung học hơn là ở Tiểu học. Ở Queensland, ngoại ngữ có thể được dạy cho trẻ từ lớp 1 trong các trường công theo lựa chọn của học sinh cho đến lớp 6 khi đó nó sẽ trở thành môn bắt buộc.

Giai đoạn thứ ba là của cấp Trung học cơ sở từ lớp 7/8 -10 cũng có 8 môn học chính: Nghệ thuật, tiếng Anh, giáo dục thể chất và sức khoẻ, ngoại ngữ, toán học, khoa học, tìm hiểu xã hội và môi trường, công nghệ. Cộng thêm 6 chủ đề liên môn: môi trường, CNTT, các kỹ năng cá nhân và liên nhân cách (quan hệ xã hội), giáo dục lao động và nghề, số học.

Tương tự như ở cấp Tiểu học, tất cả các môn học này không bắt buộc cho tất cả các trường của nước Australia nhưng tất cả các bang đã nhất trí xem 8 mảng nội dung học cơ bản như là cơ sở để phát triển chương trình. Do đó có sự đa dạng trong cấu trúc chương trình và nội dung dạy học ở các bang, các trường. Các môn tự chọn yêu cầu hầu hết học sinh có ít môn tự chọn cho đến cuối giai đoạn giáo dục bắt buộc. Lớp 9 và 10 có một số môn tự chọn nhưng thường phải lựa chọn bắt buộc vào các nhóm môn thực hành, ngôn ngữ hay các phân ngành về nghệ thuật. Riêng đối với học ngoại ngữ nhìn chung là không bắt buộc. Tiếng Pháp, Đức, Italy, Hi Lạp, Indonesia và Nhật là những tiếng được dạy phổ biến.

Giai đoạn thứ bốn là cấp Trung học phổ thông hậu bắt buộc từ lớp 11 - 12, các môn học ở cấp này có tính chuyên sâu nên nhiều môn học được cung cấp để học sinh lựa chọn.

Ví dụ, Chương trình giáo dục của Trường Sevenoaks thành phố Perth Bang WA:

• Lớp 11 có các lĩnh vực nội dung:

- Tiếng Anh:

+ Tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ), mức 1 (Stage 1): 1A/1B và 1C/1D.

+ Tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ), mức 2 (Stage 2): 2A/2B.

+ Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai), mức 1: 1A/1B và 1C/1D.

+ Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai), mức 2: 2A/2B.

- Học nghề:

+ Học nghề tại cơ sở, mức 1: 1A/1B.

+ Kinh doanh và lập nghiệp mức 1: 1C/1D.

- Nghệ thuật:

+ Múa mức 1: 1A/1B.

+ Kịch mức 1: 1A/1B.

+ Sản xuất và phân tích phương tiện thông tin đại chúng mức 1: 1A/1B.

+ Sản xuất và phân tích phương tiện thông tin đại chúng mức 2: 2A/2B.

+ Nhiếp ảnh mức 1: 1A/1 B.

+ Âm nhạc mức 1: 1A/1 B.

+ Mĩ thuật mức 1: 1A/1 B.

+ Điêu khắc mức 1: 1A/1B.

- Thương mại:

+ Chứng chỉ kinh doanh II.

+ Chứng chỉ kinh doanh III.

- Giáo dục sức khỏe và thể chất:

+ Trẻ em, gia đình và cộng đồng: sống tự lập mức 1: 1A/1B.

+ Trẻ em, gia đình và cộng đồng: Chăm sóc người khác mức 1: 1A/1 B.

+ Khoa học về thực phẩm mức 1: 1A/1B.

+ Sức khỏe mức 1: 1A/1B.

+ Giáo dục ngoại khoá: 1A/1B.

+ Giáo dục thể chất: 1A/1B.

+ Chương trình đá bóng đặc biệt.

- CNTT:

+ Áp dụng CNTT (mức 1): 1C/1D.

+ Sử dụng máy tính (mức 1): 1A/1B.

+ Thiết kế mạng (chứng chỉ).



- + Những vấn đề cơ bản của CNTT (chứng chỉ).
- + Chứng chỉ CNTT II.
- Toán:
 - + Toán mức 1 (1B/1C).
 - + Toán mức 2 (2A/2B).
 - + Toán mức 3 (3A/3B).
 - + Toán nâng cao mức 3 (3A/3B).
- Khoa học:
 - + Sinh học (mức 2) 2A/2B
 - + Hoá học (mức 2) 2A/2B.
 - + Giải phẫu sinh lí người (mức 2) 2A/2B.
 - + Khoa học tích hợp (mức 1) 1 A/1 B.
 - + Vật lí học (mức 2) 2A/2B.
 - + Tâm lí học (mức 2) 2A/2B.
 - + Môi trường và xã hội.
 - + Nghiên cứu văn hoá bản địa và văn hoá chung (Aboriginal and Intercultural Studies) mức 1 (1A/1B).
 - + Địa lí (mức 1) (1A/1B).
 - + Địa lí (mức 2) (2A/3B).
 - + Lịch sử, chính trị và luật (mức 1) 1^a.
 - + Lịch sử - Hiện đại (mức 2) 2A/2B.
- Lớp 12 có các lĩnh vực nội dung:
 - Tiếng Anh:
 - + Tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ) mức 1: 1C/1D.
 - + Tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ) mức 2: 2C/2D.
 - + Tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ) mức 3: 3A/3B.
 - + Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai) mức 1: 1C/1D.
 - + Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai) mức 2: 2C/2D.
 - + Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai) mức 3: 3A/3B.
 - Học nghề:
 - + Học nghề tại cơ sở mức 1 (1C/1D).
 - + Kinh doanh và lập nghiệp mức 1 (1C/1D) và mức 2 (2A/2B).
 - Nghệ thuật:

TTBD ĐBDC

- + Múa mức 1 (1A/1B) và mức 2 (2A/2B).
- + Kịch mức 1 (1A/1B).
- + Sản xuất và phân tích phương tiện thông tin đại chúng mức 2 (2A/2B) và 3 (3A/3B).
- + Nhiếp ảnh mức 1 (1C/1D).
- + Âm nhạc mức 1 (1C/1D).
- + Mĩ thuật mức 1 (1A/1B).
- + Điêu khắc mức 1 (1C/1D).
- Thương mại:
 - + Chứng chỉ kinh doanh II.
 - + Chứng chỉ kinh doanh III.
- Giáo dục sức khỏe và thể chất:
 - + Trẻ em, gia đình và cộng đồng: sống tự lập mức 1 (1C/1D).
 - + Trẻ em, gia đình và cộng đồng: Chăm sóc người khác mức 1 (1C/1D)
 - + Khoa học về thực phẩm mức 1 (1C/1D).
 - + Sức khỏe mức 1 (1C/1D).
- Giáo dục ngoại khoá:
 - + Giáo dục thể chất.
 - + Chương trình đá bóng đặc biệt
- CNTT:
 - + Áp dụng CNTT mức 2 (2A/2B).
 - + Sử dụng máy tính mức 1 (1A/1B)
 - + Thiết kế mạng (chứng chỉ)
 - + Chứng chỉ CNTT II.
 - + Chứng chỉ CNTT III
- Toán:
 - + Toán mức 1 (1D/1E)
 - + Toán mức 2 (2C/2D).
 - + Toán mức 3 (3C/3D)
 - + Toán nâng cao mức 3 (3C/3D).
- Khoa học:
 - + Sinh học mức 2 (2A/2B).
 - + Hoá học mức 3 (3A/3B).



TTBD DBDC

+ Giải phẫu sinh lí người mức 3 (3A/3B).

+ Khoa học tích hợp mức 1 (1C/1D).

+ Vật lí học mức 3 (3A/3B).

+ Tâm lí học mức 2 (2A/2B).

+ Tâm lí học mức 3 (3A/3B).

- Môi trường và xã hội:

+ Nghiên cứu văn hoá bản địa và văn hoá chung (Aboriginal and Intercultural Studies) mức 1 (1A/1B).

+ Địa lí mức 1 (1A/1B).

+ Địa lí mức 2 (2A/2B).

+ Địa lí mức 3 (3A/3B).

+ Lịch sử, chính trị và luật (mức 1) 1B.

+ Lịch sử - Hiện đại mức 3 (3A/3B).

Ngoài ra, đối với hoạt động hướng dẫn nghề cho lớp 12 được đăng tải trên trang Web của Chính. Tại trang Web này cung cấp nhiều thông tin về các lựa chọn và giúp học sinh đặt kế hoạch học tiếp sau khi tốt nghiệp.

Đối với hoạt động giáo dục trong chương trình quốc gia không có quy định riêng cho các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, mà dành quyền chủ động cho chương trình nhà trường trong việc sắp xếp các hoạt động này.

Mỗi tuần, học sinh học khoảng 25 giờ trên lớp và mỗi năm học 40 tuần, như vậy là 1000 giờ mỗi năm. Thông thường, các trường tính toán số giờ tối thiểu trên lớp sau đó cộng thêm 20% để cho phép học sinh có thể vắng mặt.

Ví dụ, học sinh phải học tổng số 400 giờ Văn học Anh trên lớp từ lớp 7 đến lớp 10, tức là 100 giờ mỗi năm. Theo thời gian biểu ở trên, học sinh sẽ phải hoàn thành 136 giờ mỗi năm, như vậy học sinh sẽ có đủ thời gian để ôn tập và vắng mặt.

Các trường có thể đưa ra các lựa chọn hết sức linh hoạt. Chẳng hạn, một số trường chỉ đưa ra 2 môn tự chọn thay vì 3 môn. Điều này phụ thuộc vào nguồn lực của mỗi trường. Các trường cũng được tự do lựa chọn số tiết học trong 1 ngày, 6, 7 hay 8 tiết, miễn là đảm bảo được số giờ tối thiểu mà học sinh cần đạt.